

Bản án số: 37/2020/HS-ST

Ngày 03 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Hợi

Bà Đoàn Thị Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2020/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình M** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1976; Nơi sinh: Tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình B - Sinh năm: 1936 và bà Bùi Thị N - Sinh năm 1930; Vợ là Đỗ Thị C - Sinh năm 1981; bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/01/2020 đến ngày 18/01/2020 thì bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Đỗ Thị C - Sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09/01/2020, bị cáo Nguyễn Đình **M** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1-513.36 từ nhà xuống khu vực bản Xôm, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mục đích là để mua heroin về sử dụng. Khi đến đầu bản Xôm bị cáo gặp và mua của một người đàn ông không quen biết một gói Heroin với giá 150.000 đồng với mục đích để bản thân sử dụng. Sau khi mua được ma túy, bị cáo cầm gói ma túy trong lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe máy đi về nhà. Khoảng 15 giờ 30 cùng ngày bị cáo điều khiển xe về đến tổ dân phố 15, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên thì tổ công tác công an phường Mường Thanh yêu cầu **M** dừng xe, **M** thả từ trong lòng bàn tay trái xuống mặt đường cách chân trái khoảng 20cm, một gói nhỏ gói ngoài bằng nilon màu xanh, **M** khai đó là Heroin. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Tại Bản kết luận giám định số 107/GĐ-PC09 ngày 17/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: Mẫu chất bột màu trắng ký hiệu M gửi giám định là chất ma túy, loại Heroin; có khối lượng là 0,21 gam. Heroin nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, mục IA, danh mục I, nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018

Tại Bản cáo trạng số: 25/CT- VKSTPĐBP ngày 31/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nguyễn Đình **M** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa chị Đỗ Thị **C** trình bày: Chị và bị cáo **M** đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 29/10/2001. Ngày 09/01/2020, chị **C** không biết bị cáo **M** sử dụng chiếc mô tô biển kiểm soát 27B1-513.36 để đi mua ma túy về sử dụng. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-513.36 do chị mua năm 2016, tại cửa hàng mua bán xe máy chí Quyên với giá 35.000.000 đồng, tiền mua xe do chị đi làm ăn, buôn bán tích cóp mà có. Vào thời điểm chị **C** mua xe máy, bị cáo **M** đang

làm nghề lái xe taxi và vẫn còn nợ tiền mua xe ô tô nên tiền do chồng làm ra đều dùng để trả tiền mua xe ô tô không đóng góp gì để mua xe máy. Chị **C** đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 27B1-513.36 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố **D**, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,18g Heroin (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh nilon màu xanh.

Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 27B1-513.36, là tài sản chung của chị **Đỗ Thị C** và bị cáo **Nguyễn Đình M** vì được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, chị **C** không biết bị cáo **M** sử dụng xe đi mua ma túy về sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe. Trả lại cho chị **Đỗ Thị C** $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 09/01/2020, tại tổ dân phố 15, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, bị cáo Nguyễn Đình **M** có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,21 gam Heroin với mục đích để bản thân sử dụng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Bởi vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố **Đ** đã truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[2] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, tàng trữ ... trái phép chất ma túy nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố **Đ**. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo

được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên xét bị cáo không có tài sản. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[6] Trong hồ sơ vụ án còn thể hiện: Bị cáo mua ma túy của một người đàn ông nhưng không biết tên, địa chỉ nên không có cơ sở xem xét, giải quyết trong vụ án.

[7] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,18g Heroin (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh nilon màu xanh.

Đối với một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead đeo biển kiểm soát 27B1-513.36, số máy JF45E-0854957, số khung RLHJF4510FY811156, kèm theo 01 chìa khóa của xe: Chiếc xe được hình thành (mua) trong thời kỳ hôn nhân, tiền mua xe là do chị C đi làm ăn, buôn bán tích cóp mà có nên theo quy định tại Điều 33, 59 của Luật hôn nhân và gia đình là tài sản chung của bị cáo và vợ là chị Đỗ Thị C. Bị cáo sử dụng xe mô tô đi mua ma túy chị C không biết. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và trả lại cho chị Đỗ Thị C $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-513.36.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/4/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình **M**, phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo 13 (mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 09/01/2020).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,18g Heroin (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh nilon màu xanh.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và trả lại cho chị Đỗ Thị **C** $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead đeo biển kiểm soát 27B1-513.36, số máy JF45E-0854957, số khung RLHJF4510FY811156, kèm theo 01 chìa khóa của xe.

*(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/4/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố **D** và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố **D**).*

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị **C** có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/6/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố Đ;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.Đ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐB;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng